

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 98/2025/DS-ST
Ngày: 26-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Huỳnh Văn Hoàn;

+ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoài Hiền Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Hùng T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị M, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Theo văn bản ủy quyền ngày 28-4-2025. (Có mặt)

- Bị đơn:

+ Anh Phan Văn L, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

+ Chị Hồ Thị Ánh L1, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn, anh Võ Hùng T trình bày: Anh có tham gia chơi hui do chị L1, anh L làm đầu thảo đối với dây hui 2.000.000 đồng, khai hui ngày 25-6-2023 âm lịch, mỗi tháng mở hui 01 lần, tổng cộng 24 phần, anh tham gia 01 phần và ghi tên T1

(Tên thường gọi của anh) trong danh sách hội. Anh đóng hội sống được 15 kỳ, mỗi lần đóng dao động từ 1.500.000 đồng đến 1.600.000 đồng, chị L1 tự báo mỗi kỳ ai sẽ được lĩnh hội và tự đến nhà anh lấy tiền hội. Đến ngày mở hội 25-10-2024 lẽ ra anh được hốt hội theo phiếu thăm mà anh đã bóc, nhưng chị L1, anh L không khai hội và cũng không giao tiền hội cho anh. Do đó, nay anh yêu cầu anh L, chị L1 phải liên đới trả cho anh số tiền nợ hội là 30.000.000 đồng.

Bị đơn, chị Hồ Thị Ánh L1, anh Phan Văn L: Dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Võ Hùng T, vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị M là đại diện theo ủy quyền của anh Võ Hùng T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, trước đây anh T yêu cầu anh Phan Văn L, chị Hồ Thị Ánh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền nợ hội là 30.000.000 đồng nhưng nay trừ ra 1.000.000 đồng tiền hoa hồng nên yêu cầu trả số tiền còn lại là 29.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Võ Hùng T khởi kiện yêu cầu chị Hồ Thị Ánh L1 và anh Phan Văn L phải trả số tiền hội chưa giao, nên căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “*Hợp đồng góp hội*”. Bị đơn, chị L1, anh L cư trú tại ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp nên thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Bị đơn, chị Hồ Thị Ánh L1 và anh Phan Văn L không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Võ Hùng T yêu cầu vợ chồng chị Hồ Thị Ánh L1 và anh Phan Văn L liên đới trả số tiền nợ hội là 29.000.000 đồng và cung cấp được bản chính giấy hội 2.000.000 đồng, khai ngày 25-6-2023 âm lịch, ghi “Hội của 2 Loa làm chủ”. Theo danh sách hội thể hiện có 24 phần, anh T tham gia chơi 01 phần ghi ở số thứ tự 4 là “Thảo” là tên thường gọi của anh T được chính quyền địa phương xác nhận. Anh T xác định danh sách hội do chính chị L1 ghi và phát cho mỗi hội viên 01 tờ để biết người chơi. Vào thời điểm tổ chức chơi hội, anh T không ở cùng xã với anh L, chị L1 nên khi khai hội anh không có đến, mà chị L1 đến nhà

anh thu tiền hối và khi đó sẽ thông báo mức bỏ hối cho anh biết. Anh T cho rằng đã đóng hối cho chị L1, anh L được 15 kỳ, nên nay đòi lại số tiền hối 30.000.000 đồng nhưng đồng ý trừ ra 1.000.000 đồng tiền hoa hồng là có lợi cho bị đơn. Phía anh L, chị L1 không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Hối đến nay đã mãn nhưng anh L, chị L1 không cung cấp chứng cứ gì thể hiện đã trả tiền cho anh T và trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn cũng không đến Tòa án để thỏa thuận đã cho thấy các bị đơn không có thiện chí trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh T không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Chị Hồ Thị Ánh L1 và anh Phan Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 288, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Hùng T.

Buộc chị Hồ Thị Ánh L1 và anh Phan Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Võ Hùng T số tiền nợ hui là 29.000.000 (Hai mươi chín triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Anh Võ Hùng T được nhận lại 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tam ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002953

ngày 25-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Hồ Thị Ánh L1 và anh Phan Văn L phải chịu 1.450.000 (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự (Hoặc đương sự có người đại diện theo ủy quyền) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực